

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2018/HSST

Ngày: 26/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Minh Hải**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Xây

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 471/2017/HSST ngày 20/12/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 03/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên : Nông Thị Hằng N, sinh ngày 06/11/1991

ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 18, phường T, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Tày, Tôn giáo: không, văn hoá: 11/12, nghề nghiệp: không. Con ông Nông Văn R, sinh năm 1970, con bà Trịnh Thị T, sinh năm 1969. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Có chồng: Nguyễn Anh T, sinh năm 1986, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án: Tại bản án số 283/2016/HSST ngày 26/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản 2.700.000 đồng).

Tiền sự: không có.

Nhân thân: Tại bản án số 458/2017/HSST ngày 27/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 09 tháng tù của bản án số 283/2016/HSST ngày 26/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, buộc phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1969, HKTT: Tổ 05, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 10 phút ngày 6/9/2017, Nông Thị Hằng N đi con nhỏ điều khiển xe mô tô từ nhà đến khu vực phường G thành phố T để tìm phòng thuê trọ, khi đi đến quán tạp hóa của nhà bà Vũ Thị T (sinh năm 1969) tại tổ 5, phường G, thành phố T) N hỏi bà T có ai cho thuê phòng trọ không, bà T nói có nhà bên cạnh cho thuê phòng trọ. Do thời tiết nóng bà T bảo N đưa con vào nhà ngồi cho đỡ nóng. Sau đó, N ngồi tại phòng khách ngồi nói chuyện với bà T, trong khi ngồi chơi N thấy có khách đến mua thẻ nạp điện thoại Vinaphone, bà T để thẻ điện thoại trong hộp nhựa hình trụ trong tủ kính bán hàng, nên N đã nảy sinh trộm cắp số thẻ nạp điện thoại trên, N giả vờ đi ra ngoài cửa gọi điện thoại cho người chủ thuê nhà, lợi dụng sơ hở bà T không để ý, N đã dùng tay phải thò vào trong tủ kính lấy đi hộp nhựa hình trụ trên nắp có chữ Dr. Xylitor cao khoảng 16 cm, đường kính khoảng 8 cm, bên trong có: 05 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng; 04 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng; 10 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng; 9 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 10.000 đồng, đều chưa qua sử dụng, đi sang cửa nhà bên cạnh, N lấy toàn bộ số thẻ ở trong hộp cho vào túi áo bên phải, sau đó vứt chiếc hộp vào khe giữa 02 nhà, rồi quay lại nhà bà T đón con đi về. Khi về đến nhà, N cào toàn bộ số thẻ điện thoại trộm cắp được tại nhà bà T, lấy mã nạp hết vào tài khoản “hiennhitnvn” của game Wincup vào điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu đồng, bên trong có lắp 02 sim có số thuê bao 01668201887; 0919363281 của N để chơi điện tử trên mạng Internet. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, bà T phát hiện bị mất hộp nhựa đựng toàn bộ số thẻ nạp điện thoại. Qua kiểm tra hệ thống camera an ninh của gia đình bà T đã phát hiện ra người lấy số thẻ nạp điện thoại là Nông Thị Hằng N.

Ngày 08/9/2017, bà Vũ Thị T đã làm đơn trình báo đề nghị Công an phường G, thành phố T giải quyết.

Tại bản kết luận số 321/HĐĐGTS ngày 10/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận. Giá trị: 05 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng; 04 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng; 10 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng; 9 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 10.000 đồng, đều chưa qua sử dụng. Tổng giá trị thẻ cào điện thoại Vinaphone trên là: 990.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nông Thị Hằng N khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như nêu trên. Lời nhận tội của N phù hợp với các tài liệu Cơ quan điều tra đã thu thập như: Đơn trình báo, biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội

phạm, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là: 05 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng; 04 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng; 10 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng; 9 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 10.000 đồng, đều chưa qua sử dụng của bà Vũ Thị T. Hiện tài sản không thu hồi được. Bà T yêu cầu N phải bồi thường số tiền 990.000 đồng giá trị thẻ cào điện thoại.

01 hộp nhựa hình trụ trên nắp có chữ Dr. Xylitor cao khoảng 16 cm, đường kính khoảng 8 cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đồng có số IMEI: 355677/06/454273/7 và IMEI: 356695/06/454273/9, bên trong được lắp sim có số thuê bao 01668201887; 0919363281 đều đã qua sử dụng. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 04/KSĐT- KT ngày 19/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nông Thị Hằng N về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ quyền công tố đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Thị Hằng N phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án này. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 BLDS 2015: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Vũ Thị Thủy số tiền 990.000 đồng.

- Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS 2015 xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Nông Thị Hằng N: Không đối đáp, tranh luận, nhất trí với nội dung Bản luận tội của Đại diện Viện Kiểm sát, thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời nói cuối cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo hứa sửa chữa và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nông Thị Hằng N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, với vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 11 giờ 10 phút ngày 06/9/2017 tại tổ 5, phường G, thành phố T, Nông Thị Hằng N là người đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 hộp nhựa hình trụ bên trong có 5 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 04 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 10 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 9 thẻ cào điện thoại Vinaphone mệnh giá 10.000 đồng, đều chưa qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản là 990.000 đồng của bà Vũ Thị T. Hiện tài sản không thu hồi được. Bà T yêu cầu N phải bồi thường số tiền 990.000 đồng giá trị thẻ điện thoại.

Mặc dù tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng, nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999.

[3]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Điều 138 BLHS 1999 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng ... đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng: Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã có một tiền án về cùng hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục

phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thật thà khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đó là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định Điều 52 BLHS năm 2015.

[5]. Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, nên xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 990.000 đồng giá trị thẻ điện thoại, yêu cầu này là chính đáng nên HĐXX chấp nhận buộc bị cáo bồi thường số tiền trên.

[8]. Vật chứng vụ án: 01 hộp nhựa hình trụ trên nắp có chữ Dr. Xylitor cao khoảng 16cm, đường kính khoảng 8cm không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đồng có số IMEL: 355677/06/454273/7 và IMEL: 356695/06/454273/9 bên trong có lắp sim số thuê bao 01668201887 và 0919363281 là vật chứng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9]. Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và DSST theo quy định của pháp luật.

[10]. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nông Thị Hằng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Nông Thị Hằng N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án này.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 BLDS 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Vũ Thị Thủy số tiền 990.000 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4.Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp nhựa hình trụ trên nắp có chữ Dr.Xylitor cao khoảng 16cm, đường kính khoảng 8cm

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung màu đồng, có số IMEI: 355677/06/454273/7 và IMEI: 356695/06/454273/9 bên trong được lắp 1 sim Viettel và 1 sim Vinaphone.

(Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 72 ngày 19/12/2017 giữa Công an Thành phố Thái Nguyên với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.)

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường T, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Minh Hải

